TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 03 - 2018
"V/v Ly hôn giữa chị N và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc D
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Kim L
2. Bà Võ Thị L

- ***Thư kY phiên tòa:*** Ông Phạm Minh S là Thư kY Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo T – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lY số: 11/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Văng Thị Kim N, sinh năm 1992 (có mặt).

Nơi cư trú: số 420 tổ 01 khóm Long Thạnh B, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trương Bảo T; sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi cư trú: tổ 01 khóm Long Hưng 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 25/12/2017, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Văng Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Văng Thị Kim N và anh Trương Bảo T đi đến hôn nhân vào năm 2009 hôn nhân tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng kY kết hôn tại UBND phường Long Thạnh vào năm 2011, trong quá trình sống chung vợ chồng được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh T không lo cho cuộc sống gia đình, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 11/2017 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung Trương Ngọc Như Y, sinh ngày 08/04/2011, hiện nay con chung đang sống với anh T, khi ly hôn chị N đồng Y giao con chung cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh Trương Bảo T trình bày: Về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn anh T cũng thống nhất như chị N trình bày, về mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, nhận thấy tình cảm vợ chồng có thể đoàn tụ, nên không đồng Y ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung Trương N Như Y, sinh ngày 08/04/2011, hiện nay con chung đang sống với tôi, khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị Văng Thị Kim N vẫn giữ nguyên Y kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Anh Trương Bảo T đồng Y ly hôn với chị Văng Thị Kim N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Văng Thị Kim N và anh Trương Bảo T tranh chấp ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Phát biểu của Kiểm sát viên về tố tụng: Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật về thủ tục theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Đối với các đương sự thì thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70; 71; 72; và 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX cho chị N và anh T thuận tình ly hôn, về con chung thì giao con chung cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân của chị N và anh T đi đến hôn nhân vào năm 2009 hôn nhân do anh chị tự tìm hiểu, tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Thạnh năm 2011. Trong quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không có hạnh phúc và vợ chồng không còn sống chung từ tháng 11/2017 cho đến nay và anh chị cũng thống nhất ly hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật xem xét bảo vệ.

Xét thấy, mặc dù Tòa án có tiến hành thông báo hòa giải để tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ, nhưng với những mâu thuẫn nêu trên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, và tại phiên tòa anh chị thống nhất thuận tình ly hôn, do đó HĐXX

thống nhất cho anh chị được thuận tình ly hôn là phù hợp quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con chung Trương Ngọc Như Y, sinh ngày 08/04/2011, hiện nay con chung đang sống với anh T, chị N và anh T thống nhất giao con chung cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận nuôi con chung của anh chị là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có

Về án phí: chị Văng Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83; và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Văng Thị Kim N và anh Trương Bảo T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung Trương Ngọc Như Y, sinh ngày 08/04/2011, hiện nay con chung đang sống với anh T, chị N và anh T thống nhất giao con chung Trương N Như Y cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: chị Văng Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001541 ngày 08/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

Trần N D